

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quốc Thanh

Bà Đỗ Thị Viện

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Phương C, sinh năm 1987, nơi ĐKKHKT: Tổ 1A, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng, nơi sinh sống: Tổ 4, phường Ng, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đinh Đình D, sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ 1A, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày **20-8-2019** và Bản tự khai ngày 27-8-2019, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Phương C trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đinh Đình D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05-3-2010 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, chị và anh D chung sống cùng với gia đình anh D tại tổ 1A, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Chị và anh D chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thường

xuyên xảy ra cãi nhau, đánh nhau. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, phong cách sống của hai bên không phù hợp, không tin tưởng nhau về kinh tế. Anh D lại ham chơi đua đòi theo bạn bè, không quan tâm đến vợ, con, chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh D không thay đổi phong cách sống. Chị cũng đã cố gắng chung sống hòa thuận với anh D nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không cải thiện được, cuộc sống chung mệt mỏi, luôn phải chịu đựng nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt, lạnh nhạt. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm giữa chị và anh D không hàn gắn được. Từ tháng 11-2017, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ của chị ở, sống ly thân với anh D cho đến nay. Trong thời gian này, chị và anh D bỏ mặc nhau, không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung. Đến nay, chị thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Đình Đình Nhật M, sinh ngày 11-10-2010 và Đình Đình Hải N, sinh ngày 14-8-2015. Từ khi chị và anh D sống ly thân, cháu N do chị nuôi dưỡng, cháu M do anh D nuôi dưỡng. Chị đề nghị được nuôi cháu N, để anh D nuôi cháu M, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị sẽ tự thỏa thuận với anh D, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, chị có chỗ ở ổn định cùng với bố mẹ đẻ chị tại tổ 4, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng và chị có việc làm tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Liên doanh Du lịch Quốc tế Hải Phòng, có thu nhập ổn định khoảng 7.000.000 đồng/tháng đảm bảo việc nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23-9-2019, bị đơn là anh Đình Đình D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh D có lời khai thống nhất với chị C về thời gian kết hôn, nơi chung sống của vợ chồng. Anh D thừa nhận trong quá trình chung sống, anh và chị C có xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Nguyên nhân là do anh và chị C luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thiếu niềm tin vào nhau về kinh tế dẫn đến tình cảm vợ chồng trở lên lạnh nhạt, không còn hạnh phúc. Chị C đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, sống ly thân với anh từ cuối năm 2017 đến nay, hai bên bỏ mặc nhau không còn quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị C đã trầm trọng, tình cảm giữa anh và chị C không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị C.

- Về con chung: Anh và chị C có 02 con chung như chị C đã trình bày. Anh cũng thống nhất đề nghị Tòa án giao cháu M cho anh nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị C nuôi dưỡng, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh sẽ tự thỏa thuận với chị C, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, anh có chỗ ở ổn định cùng với bố mẹ anh tại tổ 1A, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng và anh làm nghề lao động tự do, có thu nhập ổn định khoảng 7.500.000 đồng/tháng đảm bảo việc nuôi cháu M.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh D vắng mặt tại phiên họp, có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ vắng mặt anh D theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho anh D theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị Phương C đối với anh Đinh Đình D. Về con chung, giao cháu N cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu M cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung. Bị đơn là anh Đinh Đình D, cư trú tại: Tổ 1A, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị Phương C và bị đơn anh Đinh Đình D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh D.

Về hôn nhân:

[3] Chị C và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận kết hôn

số 10, ngày 05-3-2010. Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được xác định: Chị C và anh D kết hôn từ năm 2010. Anh, chị chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau và đánh nhau. Nguyên nhân chủ yếu là anh D ham chơi, sống thiếu trách nhiệm với vợ con, anh, chị thiếu niềm tin vào nhau về kinh tế. Do đó, cuộc sống giữa chị C và anh D không còn hòa thuận, hạnh phúc, chị C và gia đình hai bên cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh D không thay đổi được phong cách sống. Từ khoảng tháng 11-2017, chị C đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại tổ 4, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng sinh sống. Từ đó đến nay, chị C và anh D sống ly thân. Hiện nay, anh D đi làm ăn xa, thỉnh thoảng về nhà rồi lại đi làm. Trong quá trình tố tụng, anh D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xác định tình cảm giữa anh và chị C không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn với chị C. Xét thấy, chị C và anh D đã không còn hạnh phúc, đời sống chung từ lâu đã không còn tồn tại, chị C và anh D không còn quan tâm đến nhau; không thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không tôn trọng nhau, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay cả chị C và anh D đều xin ly hôn. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị C và anh D có 02 con chung là Đình Đình Nhật M, sinh ngày 11-10-2010 và Đình Đình Hải N, sinh ngày 14-8-2015. Chị C nhận nuôi cháu N, anh D nhận nuôi cháu M, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong khoảng thời gian chị C và anh D sống ly thân, cháu N sống cùng với chị C, cuộc sống ổn định. Hiện nay, chị C có thu nhập ổn định là 7.000.000 đồng/tháng nên đảm bảo điều kiện để nuôi cháu N. Trong đơn đề nghị ngày 06-9-2019, cháu M nêu nguyện vọng được ở với anh D, anh D không trực tiếp tham gia tố tụng tại tòa nhưng anh D đã giao nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về việc nuôi con chung. Qua điều tra xác minh tại tổ 1A, phường N và gia đình anh D, xét thấy trong khoảng thời gian chị C và anh D sống ly thân từ tháng 11-2017 đến nay, cháu M do anh D và gia đình anh D nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy dỗ chu đáo, cuộc sống ổn định. Hơn nữa, ông Đình Đình H bố anh D khẳng định, hiện nay anh D làm nghề lao động tự do, có thu nhập khoảng 7.500.000 đồng/tháng, anh D vẫn đưa tiền cho gia đình ông để chăm sóc cháu M giúp anh D. Tuy anh D đi làm xa nhưng vẫn thường xuyên về nhà thăm con và ông cũng cam kết sẽ phụ giúp anh D trông nom, chăm sóc cháu M tốt, đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu M, việc giao cháu M cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của anh D và đảm bảo quyền lợi của cháu M theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của chị C, anh D, giao cháu N cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu M cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chị C và anh D không yêu cầu Tòa

án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị C và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị C và anh D có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 **Điều 238**, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị Phương C được ly hôn anh Đinh Đình D.

2. Về con chung:

2.1 Giao cháu Đinh Đình Hải N, sinh ngày 14-8-2015 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đinh Đình Nhật M, sinh ngày 11-10-2010 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị C và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Hoặc cho đến khi chị C và anh D có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai số 0007046 ngày 20-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị C và anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đ;
- Chi cục THADS quận Đ;
- UBND phường N, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Thanh Đỗ Thị Viện

Phạm Hữu Trường

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hợp Đức quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hợp Đức quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường